**PHỤ LỤC**

BẢNG LƯƠNG CÔNG NHÂN CÔNG AN
*(Kèm theo Nghị định số 49/2019/NĐ-CP, ngày 06/06/2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **NGẠCH, NHÓM, HỆ SỐ LƯƠNG** | **BẬC LƯƠNG** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| Ngạch A | Nhóm 1 | Hệ số lương | 3,50 | 3,85 | 4,20 | 4,55 | 4,90 | 5,25 | 5,60 | 5,95 | 6,30 | 6,65 |
| Nhóm 2 | Hệ số lương | 3,20 | 3,55 | 3,90 | 4,25 | 4,60 | 4,95 | 5,30 | 5,65 | 6,00 | 6,35 |
| Ngạch B | Hệ số lương | 2,90 | 3,20 | 3,50 | 3,80 | 4,10 | 4,40 | 4,70 | 5,00 | 5,30 | 5,60 |
| Ngạch C | Hệ số lương | 2,70 | 2,95 | 3,20 | 3,45 | 3,70 | 3,95 | 4,20 | 4,45 | 4,70 | 4,95 |

**Ghi chú:**

1. Mức lương thực hiện: bằng hệ số lương nhân (x) với mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.

2. Đối tượng:

- Ngạch A:

+ Nhóm I: Sắp xếp, bố trí theo vị trí công việc yêu cầu trình độ Đại học và trình độ kỹ năng nghề tương ứng.

+ Nhóm II: Sắp xếp, bố trí theo vị trí công việc yêu cầu trình độ Cao đẳng và trình độ kỹ năng nghề tương ứng.

- Ngạch B: Sắp xếp, bố trí theo vị trí công việc yêu cầu trình độ trung cấp và trình độ kỹ năng nghề tương ứng.

- Ngạch C: Sắp xếp, bố trí theo vị trí công việc yêu cầu chứng chỉ sơ cấp và trình độ kỹ năng nghề tương ứng.